

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI

Bản án số:33/2024/DS-ST

Ngày: 21 - 8- 2024

“V/v tranh chấp đòi lại tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Kha

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Mỹ Lễ

2. Bà Trương Thị Hương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Minh Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Xuân Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 20, 21 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án n्हn đn thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số : 06/2024/TLST - ST ngày 11 tháng 01 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyế t định đưa vụ án ra xét xử số 78/2024/QĐST- DS ngày 08 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 100/2024/QĐST - DS ngày 02/8/2024

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1973; địa chỉ: Tổ dân phố C, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Phan Thị Thu T, sinh năm 1985 và bà Nguyễn Thị Như H1, sinh năm 2001; Cùng địa chỉ: Số B N, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi; Theo Văn bản ủy quyền ngày 23/01/2024; (bà H1 có mặt, bà T vắng mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T1; địa chỉ: Tổ dân phố E, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. (Có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Thanh H2; địa chỉ: Tổ dân phố E, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ **Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:**

Ngày 25/4/2015 lúc đầu bà Nguyễn Thị Bích H cho bà Nguyễn Thị Thanh T1 vay 6.000.000 đồng với hình thức trả góp ngày 200.000 đồng. Sau đó cùng ngày bà T1 tiếp tục vay thêm 54.000.000 đồng. Tổng cộng là 60.000.000 đồng nên bà H viết thêm chữ số “0” sau chữ số 6, chữ triệu thì viết sửa thành chữ “ Mười” và viết thêm chữ “Triệu và dấu ngoặc trước chữ”. Trong đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị Bích H yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T1, ông Bùi Thanh H2 trả gốc và lãi là 96.000.000 đồng.

Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh T1, ông Bùi Thanh H2 phải trả số tiền gốc 6.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 26/4/2015 đến ngày 20/8/2024 là 3.840.000 đồng và tiếp tục trả lãi chậm trả sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả nợ xong.

2/ Trong quá trình giải quyết vụ án, bản tự khai, tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thanh T1 trình bày:

Ngày 25/4/2015, bà Nguyễn Thị Bích H có cho bà Nguyễn Thị Thanh T1 vay số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng), mục đích vay để phục vụ làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Khi vay hai bên thỏa thuận trả nợ theo hình thức góp 200.000 đồng/ngày (trả trong thời hạn 30 ngày), với lãi suất 100.000 đồng/ngày và bà H đã lấy trước 3.000.000 đồng tiền lãi. Hiện nay bà đã trả xong 6.000.000 đồng cho bà H. Tuy nhiên khi trả xong bà không nhận lại giấy vay gốc. Vì vậy nay bà H khởi kiện yêu cầu bà trả 6.000.000 đồng tiền vay gốc thì bà đồng ý trả và bà trả 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi trả xong.

Đối với tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu tính từ ngày 26/4/2015 đến 20/8/2024 với lãi suất 08%/năm là 3.840.000 đồng bà T1 có yêu cầu về áp dụng thời hiệu để không chấp nhận yêu cầu trả lãi của bà H.

3/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Thanh H2:

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Bùi Thanh H2 đã nhận được các thông báo của Tòa án hợp lệ nhưng ông không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của pháp luật. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Thanh H2 chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết: Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T1, ông Bùi Thanh H2 trả cho bà Nguyễn Thị Bích H số tiền 6.000.000 đồng. Đối với tiền lãi đề nghị không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Ngày 31 tháng 10 năm 2023 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Bích H khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh T1, ông Bùi Thanh H2 ở Tổ dân phố E, phường N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi trả nợ. Theo quy định tại Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngày 25/4/2015, bà Nguyễn Thị Bích H có cho bà Nguyễn Thị Thanh T1 vay số tiền 6.000.000 đồng, thời hạn vay 30 ngày với hình thức góp 200.000 đồng/ngày. Đến ngày 30/10/2023 bà Nguyễn Thị Bích H mới yêu cầu khởi kiện. Ngày 03/7/2024 và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị Thanh T1 yêu cầu về áp dụng thời hiệu. Do đó Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp là “tranh chấp đòi lại tài sản”

[1.3] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Thanh H2 vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Bùi Thanh H2.

[1.4] Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Thanh T1, ông Bùi Thanh H2 trả cho bà H số tiền vay gốc 6.000.000 đồng và 3.840.000 đồng tiền lãi (tiền lãi tính từ ngày 26/4/2015 đến ngày 20/8/2024 với lãi suất 8%/ năm). Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không vượt quá yêu cầu khởi kiện.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[2.1] Đối với yêu cầu trả tiền gốc của nguyên đơn thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Xuất phát từ chỗ quen biết nên ngày 25/4/2015 bà Nguyễn Thị Bích H có cho bà Nguyễn Thị Thanh T1 vay với số tiền 6.000.000 đồng với hình thức trả góp ngày 200.000 đồng trong thời hạn 30 ngày. Bà Nguyễn Thị Thanh T1 cũng thừa nhận ngày 25/4/2015 có vay của bà Nguyễn Thị Bích H số tiền vay gốc 6.000.000 đồng và trả góp ngày 200.000 đồng. Đây là tình tiết không cần chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Theo giấy vay tiền thì xác định thời hạn và không có lãi suất. Nguyên đơn cho rằng khi vay không tính lãi. Bị đơn cho rằng khi vay thỏa thuận lãi suất 100.000 đồng/ngày, nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh. Như vậy, có căn cứ để khẳng định rằng giữa Nguyễn Thị Bích H và Nguyễn Thị Thanh T1 có xác lập hợp đồng vay tài sản là có thật. Đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015. Khi giao kết hợp đồng các bên hoàn toàn tự nguyện, các bên có đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung hợp đồng không trái với quy định của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội nên đủ điều kiện phát sinh hiệu lực của hợp đồng theo quy định tại Điều 117 Bộ luật

Dân sự năm 2015. Khi đến hạn bà **Nguyễn Thị Thanh T1** không trả nợ cho bà **H** là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Mặc dù theo hợp đồng vay thể hiện chỉ một mình bà **T1** vay vay tiền, nhưng mục đích vay tiền theo bà **T1** trình bày là để phục vụ phát triển kinh tế gia đình. Do đó nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Bích H** yêu cầu bà **Nguyễn Thị Thanh T1**, ông **Bùi Thanh H2** trả nợ 6.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất: Bà **H** yêu cầu bà **T1**, ông **H2** phải trả lãi chậm trả là 3.840.000 đồng tính từ ngày 26/4/2015 đến 20/8/2024 với lãi suất 08%/năm. Ngày 03/7/2024 và tại phiên toà bà **T1** vẫn giữ nguyên yêu cầu Toà án áp dụng thời hiệu. Theo quy định tại khoản 2 Điều 149 BLDS năm 2015, khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: “*Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc*”. Như vậy, yêu cầu về áp dụng thời hiệu khởi kiện của bà **T1** đảm bảo đúng quy định. Căn cứ tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì trong trường hợp này thời hiệu khởi kiện về hợp đồng vay tài sản đối với phần tiền lãi là 03 năm kể từ ngày 26/4/2015, tính đến nay là đã quá 03 năm nên đã hết thời hiệu khởi kiện. Do đó chấp nhận yêu cầu của bà **T1** về áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với phần tiền lãi, không chấp nhận đối với yêu cầu về trả lãi của bà **H**.

[3] Đối với việc bà **Nguyễn Thị Thanh T1** cho rằng thực hiện việc trả lãi là 3.000.000 đồng những bà **T1** không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh. Mặc khác bà **Nguyễn Thị Thanh T1** không có yêu cầu tính lại lãi suất, không có tranh chấp lãi suất. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bà **Nguyễn Thị Thanh T1**, ông **Bùi Thanh H2** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 6.000.000 đồng x 5% = 300.000 đồng. Bà **Nguyễn Thị Bích H** phải chịu 300.000 đồng tiền dân sự sơ thẩm do không chấp nhận yêu cầu về lãi suất. Được khấu trừ 2.400.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà **H** đã nộp theo biên lai số 0001228 ngày 09/01/2024 tại **Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ**. Hoàn trả cho bà **Nguyễn Thị Bích H** số tiền 2.100.000 đồng

[5] Xét ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì cớ lẽ tởn,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 149, Điều 184, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 117, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468, khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bích H. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T1, ông Bùi Thanh H2 cùng có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Bích H số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng)

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Bích H về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh T1, ông Bùi Thanh H2 trả số tiền lãi 3.840.000

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T1, ông Bùi Thanh H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng. Bà Nguyễn Thị Bích H phải chịu 300.000 đồng tiền dân sự sơ thẩm do không chấp nhận yêu cầu về lãi suất. Được khấu trừ 2.400.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai số 0001228 ngày 09/01/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Bích H số tiền 2.100.000 đồng

Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Bích H, bà Nguyễn Thị Thanh T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Bùi Thanh H2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- Dương sự; THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- TAND tỉnh;
- THDS thị xã Đức Phổ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Minh Kha

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Kha